

## QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định giá xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2  
tại Bệnh viện đa khoa Thanh Chương

### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THANH CHƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện đa khoa Thanh Chương giai đoạn 2021-2023;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 của Bộ y tế về việc quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Căn cứ Công văn 5530/SYT-KHTC ngày 09/11/2021 của Sở y tế Nghệ An về việc thực hiện Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 của Bộ y tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng TCKT, Phòng KHTH.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Quy định giá xét nghiệm SARS-CoV-2 tại Bệnh viện đa khoa Thanh Chương. Cụ thể như sau:

\* Thu mức giá theo phương pháp Test nhanh: **109.700 đồng.**

\* Thu mức giá theo Phương pháp xét nghiệm PCR (có phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Giá xét nghiệm trên áp dụng cho người bệnh, thân nhân người bệnh và khách đến giao dịch công việc tại Bệnh viện.

- Giao cho Tổ công tác xã hội, tổ chức tuyên truyền để người bệnh, thân nhân người bệnh và khách đến giao dịch công việc được biết và lựa chọn thực hiện.

- Giao cho Tổ CNTT và Phòng TCKT niêm yết công khai giá xét nghiệm và cập nhật giá xét nghiệm trên vào phần mềm quản lý khám chữa bệnh của Bệnh viện để thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1188/QĐ-BVTC ngày 29/10/2021 của Bệnh viện đa khoa Thanh Chương.

Các Ông (bà) Trưởng Phòng KHTH, TKCT, tổ CNTT và các Khoa, Phòng, tập thể và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở y tế (để b/c);
- Ban GD;
- Lưu VT, TCKT.



**Nguyễn Thịnh Khuyên**



**PHỤ LỤC 01**  
**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1228/QĐ-BVTC ngày 12/11/2021 của Bệnh viện đa khoa Thanh Chương)

| STT   | Danh mục dịch vụ                                                                                        | Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) | Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
| A     | B                                                                                                       | 1                                           | 2                                              |
| I     | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh                                                                     | 16.400                                      | 109.700                                        |
| II    | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:                      | 166.800                                     | 518.400                                        |
| 1     | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                                           | 63.200                                      |                                                |
| 2     | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                                                     | 103.600                                     |                                                |
| III   | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp                            |                                             |                                                |
| 1     | Gộp ≤ 5 que tại nơi lấy mẫu                                                                             | 94.300                                      |                                                |
| 1.1   | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                                           | 31.600                                      |                                                |
| 1.2   | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                                                     | 62.700                                      |                                                |
| 1.3   | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết) |                                             |                                                |
| 1.3.1 | Gộp 2 que                                                                                               |                                             | 270.100                                        |
| 1.3.2 | Gộp 3 que                                                                                               |                                             | 211.500                                        |
| 1.3.3 | Gộp 4 que                                                                                               |                                             | 182.200                                        |
| 1.3.4 | Gộp 5 que                                                                                               |                                             | 164.600                                        |
| 2     | Gộp 6-10 que tại nơi lấy mẫu                                                                            | 76.000                                      |                                                |
| 2.1   | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                                           | 30.200                                      |                                                |
| 2.2   | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                                                     | 45.800                                      |                                                |
| 2.3   | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết) |                                             |                                                |
| 2.3.1 | Gộp 6 que                                                                                               |                                             | 134.600                                        |
| 2.3.2 | Gộp 7 que                                                                                               |                                             | 126.200                                        |
| 2.3.3 | Gộp 8 que                                                                                               |                                             | 119.900                                        |
| 2.3.4 | Gộp 9 que                                                                                               |                                             | 115.000                                        |
| 2.3.5 | Gộp 10 que                                                                                              |                                             | 111.100                                        |
| 3     | Gộp ≤ 5 que tại phòng xét nghiệm                                                                        | 139.300                                     |                                                |
| 3.1   | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                                           | 65.900                                      |                                                |
| 3.2   | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                                                     | 73.400                                      |                                                |
| 3.3   | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết) |                                             |                                                |
| 3.3.1 | Gộp 2 que                                                                                               |                                             | 315.100                                        |



|          |                                                                                                         |                |         |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|
| 3.3.2    | Gộp 3 que                                                                                               |                | 256.500 |
| 3.3.3    | Gộp 4 que                                                                                               |                | 227.200 |
| 3.3.4    | Gộp 5 que                                                                                               |                | 209.600 |
| <b>4</b> | <b>Gộp 6-10 que tại phòng xét nghiệm</b>                                                                | <b>122.500</b> |         |
| 4.1      | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                                           | 66.800         |         |
| 4.2      | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                                                     | 55.700         |         |
| 4.3      | Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết) |                |         |
| 4.3.1    | Gộp 6 que                                                                                               |                | 181.100 |
| 4.3.2    | Gộp 7 que                                                                                               |                | 172.700 |
| 4.3.3    | Gộp 8 que                                                                                               |                | 166.400 |
| 4.3.4    | Gộp 9 que                                                                                               |                | 161.500 |
| 4.3.5    | Gộp 10 que                                                                                              |                | 157.600 |

